

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 6 năm 2024

Số: 239/2024/CNTH-TB

THÔNG BÁO

Mời tham gia đấu giá quyền sử dụng đất khu dân cư xã Hoằng Cát, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thuộc MBQH số 88/MBQH-UBND ngày 01/12/2020 (Mặt bằng QX2)

Công ty Đấu giá Hợp danh Sổ 5 – Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa thông báo mời tham gia đấu giá quyền sử dụng đất khu dân cư xã Hoằng Cát, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thuộc MBQH số 88/MBQH-UBND ngày 01/12/2020 (Mặt bằng QX2) với các nội dung như sau:

1. Tên, địa chỉ của tổ chức đấu giá tài sản:

- Công ty Đấu giá Hợp danh Sổ 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa;
- Địa chỉ: Số 126 Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người có tài sản đấu giá, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá:

- UBND huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- Địa chỉ: Phố Đạo Sơn, thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

3. Thông tin tài sản đấu giá:

3.1. Vị trí và diện tích:

* Vị trí: Khu đất đấu giá bao gồm 86 lô đất ở tại Khu dân cư thôn Đức Thành, xã Hoằng Cát, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thuộc MBQH số 88/MBQH-UBND ngày 01/12/2020 (mặt bằng QX2).

- * Tổng diện tích đấu giá gồm 86 lô: 14.092,9 m².
- Diện tích từng lô đất: *Có phụ lục chi tiết từng lô đất kèm theo*

3.2. Giá khởi điểm và hiện trạng của khu đất đấu giá:

- * Giá khởi điểm của từng lô đất: *Có phụ lục chi tiết từng lô đất kèm theo*
- * Hiện trạng:

- San nền: Nền hiện trạng mặt bằng quy hoạch.
- Đường quy hoạch: Đã có đường theo quy hoạch.
- Hệ thống thoát nước: Đã có theo quy hoạch.
- Hệ thống điện chiếu sáng và vỉa hè lát đá: Đã có theo quy hoạch.

3.3. Hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với các lô đất đấu giá tại thời điểm đấu giá: Hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh theo mặt bằng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.4. Mục đích, hình thức sử dụng đất:

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn.

- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.
- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

4. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá:

4.1. Hình thức đấu giá: Đấu giá một vòng. Đấu giá bằng bỏ phiếu kín trực tiếp tại cuộc đấu giá.

4.2. Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

5. Đối tượng, thành phần hồ sơ, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

5.1. Người được tham gia đấu giá quyền sử dụng đất gồm: Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Luật Đất đai 2013 và đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 4 của Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 19/6/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

5.2. Thành phần hồ sơ tham gia đấu giá:

- Đơn đăng ký tham gia đấu giá ***đã ghi đầy đủ các nội dung*** theo mẫu của Công ty Đấu giá Hợp danh số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa (có dấu đỏ);

- Bản sao CCCD có gắn chip ***hoặc*** Bản sao CCCD chưa gắn chip/CMND kèm Giấy xác nhận nơi cư trú do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Bản sao CMND/CCCD của cả vợ và chồng (trừ trường hợp có nhu cầu đứng tên tài sản riêng)

- Văn bản ủy quyền được thực hiện tại văn phòng công chứng theo quy định pháp luật (***nếu có ủy quyền***).

5.3. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Phải nộp đầy đủ hồ sơ tham gia đấu giá và đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại thông báo này.

- Người tham gia đấu giá đăng ký tham gia đấu giá bao nhiêu lô đất thì mua hồ sơ và nộp tiền đặt trước tương ứng với số lô đất tham gia đấu giá.

- Trường hợp người tham gia đấu giá không thể tham gia đấu giá thì có thể ủy quyền, việc ủy quyền phải theo quy định của pháp luật.

- Không thuộc các trường hợp người không được tham gia đấu giá tài sản được quy định tại Luật đấu giá tài sản năm 2016.

6. Tiền mua hồ sơ và tiền đặt trước tham gia đấu giá

6.1. Tiền mua hồ sơ: 500.000 đồng/01 hồ sơ/01 lô đất (Hồ sơ đã mua không được đổi, trả lại, trừ trường hợp cuộc đấu giá không được tổ chức).

6.2. Tiền đặt trước: Từ 164.500.000 đồng đến 566.500.000 đồng/01 hồ sơ/01 lô đất.

7. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ, xem tài sản, thu tiền đặt trước và tổ chức cuộc đấu giá:

- Thời gian, địa điểm tham khảo hồ sơ, bán hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ (***Trong giờ hành chính***):

- + Từ ngày 02/7/2024 đến 17 giờ 00 phút ngày 17/7/2024 bán và thu hồ sơ trực tiếp tại trụ sở UBND xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hóa và trụ sở công ty đấu giá hợp danh số 5 – Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa.

- Thời gian và địa điểm xem tài sản (Trong giờ hành chính):

+ Thời gian: Liên tục từ ngày 09/7/2024 đến hết ngày 10/7/2024

+ Địa điểm: Tại Khu dân cư thôn Đức Thành, xã Hoằng Cát, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thuộc MBQH số 88/MBQH-UBND ngày 01/12/2020 (mặt bằng QX2).

Người tham gia đấu giá có nhu cầu xem thông tin và thực địa khu đất liên hệ Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa trong các ngày nêu trên để được hướng dẫn chi tiết hoặc chủ động đi xem thực địa khu đất, sơ đồ MBQH và thông báo, Quyết định được niêm yết tại UBND xã Hoằng Cát, Bộ phận một cửa – UBND Huyện Hoằng Hóa, trụ sở Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa.

- Thời gian và hình thức nộp tiền đặt trước:

Thời gian: Trong 03 ngày: từ ngày 17/7/2024 đến 17h00' ngày 19/7/2024

Hình thức nộp: Người đăng ký tham gia đấu giá nộp bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của tổ chức đấu giá tài sản theo thông tin sau:

+ Đơn vị thụ hưởng: Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5

- Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa

+ Số tài khoản 106633999988

+ Tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (LPBank) Chi nhánh Thanh Hóa

+ Nội dung nộp tiền đặt trước: "Họ tên người đăng ký tham gia đấu giá, Số CMND/CCCD nộp tiền đặt trước đấu giá QSDĐ xã Hoằng Cát (Số lượng lô đất)".

+ Lưu ý: Người đăng ký tham gia đấu giá nộp tiền vào tài khoản theo tên của người đăng ký tham gia đấu giá và tiền đặt trước phải có trong tài khoản của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa chậm nhất đến 17h00' ngày 19/7/2024.



- Thời gian và địa điểm tổ chức cuộc đấu giá: Vào hồi 07h30 ngày 20/7/2024 – Thứ 7 tại Hội trường UBND xã Hoằng Cát, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ:

Số điện thoại: 0237.3511969 (Liên hệ trong giờ hành chính); Email: daugiaso5quocgia.thanhhoa@gmail.com.

*** Kính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa đăng tải thông tin này trên cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa.**

Nơi nhận:

- Cổng TT điện tử QG về đấu giá tài sản – Bộ Tư pháp;
- VP UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Báo Thanh Hóa;
- UBND huyện Hoằng Hóa;
- UBND xã Hoằng Cát;
- Người tham gia đấu giá;
- Lưu VT.

TRƯỞNG CHI NHÁNH



Kiều Thị Lan

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH SỐ 5 – QUỐC GIA **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
CHI NHÁNH THANH HÓA **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



Thanh Hóa, ngày 26 tháng 6 năm 2024

PHỤ LỤC

Chi tiết diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá quyền sử dụng đất khu dân cư xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thuộc MBQH số 88/MBQH-UBND ngày 01/12/2020 (Mặt bằng QX2)

(Kèm theo Thông báo số: 239/2024/CNTH-TB ngày 26/6/2024 của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 – Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa)

ST T	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m2)	Đơn giá (đồng/m2)	Giá khởi điểm để đấu giá (đồng/lô đất)	Tiền hồ sơ (đồng/hồ sơ/lô đất)	Tiền đặt trước (đồng/hồ sơ/lô đất)
MBQH số 88/MBQH-UBND ngày 1/12/2020 (QX2)						
1	LK02	138,7	10.700.000	1.484.090.000	500.000	296.818.000
2	LK03	138,7	10.700.000	1.484.090.000	500.000	296.818.000
3	LK04	138,7	10.700.000	1.484.090.000	500.000	296.818.000
4	LK05	138,7	10.700.000	1.484.090.000	500.000	296.818.000
5	LK06	138,7	10.700.000	1.484.090.000	500.000	296.818.000
6	LK07	138,7	10.700.000	1.484.090.000	500.000	296.818.000
7	LK08	138,7	10.700.000	1.484.090.000	500.000	296.818.000
8	LK09	138,7	10.700.000	1.484.090.000	500.000	296.818.000
9	LK10	138,7	10.700.000	1.484.090.000	500.000	296.818.000
10	LK11	138,7	10.700.000	1.484.090.000	500.000	296.818.000
11	LK12	134,2	12.840.000	1.723.128.000	500.000	344.625.000
12	LK13	134,2	7.200.000	966.240.000	500.000	193.248.000
13	LK14	138,7	6.000.000	832.200.000	500.000	166.440.000
14	LK15	138,7	6.000.000	832.200.000	500.000	166.440.000
15	LK16	138,7	6.000.000	832.200.000	500.000	166.440.000
16	LK17	138,7	6.000.000	832.200.000	500.000	166.440.000
17	LK18	138,7	6.000.000	832.200.000	500.000	166.440.000
18	LK19	138,7	6.000.000	832.200.000	500.000	166.440.000
19	LK20	138,7	6.000.000	832.200.000	500.000	166.440.000
20	LK21	138,7	6.000.000	832.200.000	500.000	166.440.000
21	LK22	138,7	6.000.000	832.200.000	500.000	166.440.000
22	LK23	138,7	6.000.000	832.200.000	500.000	166.440.000
23	LK24	134,2	7.200.000	966.240.000	500.000	193.248.000

24	LK25	149,2	12.840.000	1.915.728.000	500.000	383.145.000
25	LK26	153,7	10.700.000	1.644.590.000	500.000	328.918.000
26	LK27	153,7	10.700.000	1.644.590.000	500.000	328.918.000
27	LK28	153,7	10.700.000	1.644.590.000	500.000	328.918.000
28	LK29	153,7	10.700.000	1.644.590.000	500.000	328.918.000
29	LK30	153,7	10.700.000	1.644.590.000	500.000	328.918.000
30	LK31	153,7	10.700.000	1.644.590.000	500.000	328.918.000
31	LK32	153,7	10.700.000	1.644.590.000	500.000	328.918.000
32	LK33	153,7	10.700.000	1.644.590.000	500.000	328.918.000
33	LK34	153,7	10.700.000	1.644.590.000	500.000	328.918.000
34	LK35	220,6	12.840.000	2.832.504.000	500.000	566.500.000
35	LK36	189,7	6.000.000	1.138.200.000	500.000	227.640.000
36	LK37	139,8	6.600.000	922.680.000	500.000	184.536.000
37	LK38	150,0	6.000.000	900.000.000	500.000	180.000.000
38	LK39	150,0	6.000.000	900.000.000	500.000	180.000.000
39	LK40	150,0	6.000.000	900.000.000	500.000	180.000.000
40	LK41	150,0	6.000.000	900.000.000	500.000	180.000.000
41	LK42	150,0	6.000.000	900.000.000	500.000	180.000.000
42	LK43	150,0	6.000.000	900.000.000	500.000	180.000.000
43	LK44	150,0	6.000.000	900.000.000	500.000	180.000.000
44	LK45	145,5	7.200.000	1.047.600.000	500.000	209.520.000
45	LK46	223,2	10.700.000	2.388.240.000	500.000	477.648.000
46	LK47	173,2	12.840.000	2.223.888.000	500.000	444.777.000
47	LK48	150,0	6.000.000	900.000.000	500.000	180.000.000
48	LK49	150,0	6.000.000	900.000.000	500.000	180.000.000
49	LK50	150,0	6.000.000	900.000.000	500.000	180.000.000
50	LK51	150,0	6.000.000	900.000.000	500.000	180.000.000
51	LK52	150,0	6.000.000	900.000.000	500.000	180.000.000
52	LK53	150,0	6.000.000	900.000.000	500.000	180.000.000
53	LK54	150,0	6.000.000	900.000.000	500.000	180.000.000
54	LK55	150,0	6.000.000	900.000.000	500.000	180.000.000
55	LK56	150,0	6.000.000	900.000.000	500.000	180.000.000
56	LK57	150,0	6.000.000	900.000.000	500.000	180.000.000
57	LK58	218,2	6.600.000	1.440.120.000	500.000	288.024.000
58	BT01	185,4	6.000.000	1.112.400.000	500.000	222.480.000
59	BT02	190,0	5.000.000	950.000.000	500.000	190.000.000
60	BT03	190,0	5.000.000	950.000.000	500.000	190.000.000
61	BT04	190,0	5.000.000	950.000.000	500.000	190.000.000
62	BT05	190,0	5.000.000	950.000.000	500.000	190.000.000

63	BT06	190,0	5.000.000	950.000.000	500.000	190.000.000
64	BT07	190,0	5.000.000	950.000.000	500.000	190.000.000
65	BT08	190,0	5.000.000	950.000.000	500.000	190.000.000
66	BT09	185,4	6.000.000	1.112.400.000	500.000	222.480.000
67	BT10	185,4	6.000.000	1.112.400.000	500.000	222.480.000
68	BT11	190,0	5.000.000	950.000.000	500.000	190.000.000
69	BT12	190,0	5.000.000	950.000.000	500.000	190.000.000
70	BT13	190,0	5.000.000	950.000.000	500.000	190.000.000
71	BT14	190,0	5.000.000	950.000.000	500.000	190.000.000
72	BT15	190,0	5.000.000	950.000.000	500.000	190.000.000
73	BT16	190,0	5.000.000	950.000.000	500.000	190.000.000
74	BT17	190,0	5.000.000	950.000.000	500.000	190.000.000
75	BT18	185,4	6.000.000	1.112.400.000	500.000	222.480.000
76	BT19	185,4	6.000.000	1.112.400.000	500.000	222.480.000
77	BT20	190,0	5.000.000	950.000.000	500.000	190.000.000
78	BT21	190,0	5.000.000	950.000.000	500.000	190.000.000
79	BT22	190,0	5.000.000	950.000.000	500.000	190.000.000
80	BT23	201,8	5.500.000	1.109.900.000	500.000	221.980.000
81	BT24	164,5	5.000.000	822.500.000	500.000	164.500.000
82	BT25	218,3	5.000.000	1.091.500.000	500.000	218.300.000
83	BT26	172,9	5.500.000	950.950.000	500.000	190.190.000
84	BT27	190,0	5.000.000	950.000.000	500.000	190.000.000
85	BT28	190,0	5.000.000	950.000.000	500.000	190.000.000
86	BT29	185,4	6.000.000	1.112.400.000	500.000	222.480.000
Tổng 86 lô đất		14.049,2		99.528.028.000		19.905.603.000